SAO Y; Sở Giáo dục và Đào tạo; 07/9/2023

UBND TỈNH QUẢNG NINH **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2457/KL-SGDĐT	*Quảng Ninh, ngày 07 tháng 9 năm 2023*

KẾT LUẬN THANH TRA

Trường mầm non Hạ Long, huyện Vân Đồn trong công tác quản trị nhà trường năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023

Thực hiện Quyết định số 251/QĐ-SGDĐT ngày 01/02/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thanh tra Trường mầm non Hạ Long, huyện Vân Đồn trong công tác quản trị nhà trường năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, Đoàn thanh tra làm việc tại trường từ ngày 14/02 đến ngày 17/02/2023, tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp nội dung thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 17/3/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được thanh tra, Giám đốc Sở GDĐT (GDĐT) kết luận như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường mầm non Hạ Long là đơn vị sự nghiệp công lập, nằm trên địa bàn xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Trường có 03 điểm trường (01 điểm chính và 02 điểm lẻ tại thôn 03 và Thôn 12), tổng số có 19 nhóm lớp (03 nhóm trẻ, 16 lớp mẫu giáo) với 504 trẻ (64 trẻ nhà trẻ, 440 trẻ mẫu giáo); 100% trẻ ăn bán trú tại trường và học 2 buổi/ngày.

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định.

Đội ngũ của trường có 59 người (03 cán bộ quản lý, 42 giáo viên, 02 nhân viên và 12 lao động hợp đồng) Số lượng người làm việc cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện các quy định về công khai trong lĩnh vực giáo dục; công tác kiểm tra nội bộ và việc thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động theo điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

1.1. Thực hiện các quy định về công khai trong lĩnh vực giáo dục

Nhà trường triển khai thực hiện công tác công khai theo quy định tại các Thông tư của Bộ GDĐT, Bộ Tài chính[1], nội dung đã công khai gồm: cam kết chất

[1] Thông tư số 36/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC, Thông tư số 90/2018/TT-BTC.

lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (đầu năm học); tài chính (theo quý, năm); văn bản phê duyệt khoản thu dịch vụ, các khoản đóng góp thực tế của cha mẹ học sinh. Thực hiện niêm yết tại bảng tin của trường.

Tuy nhiên, trong quyết định công khai của đơn vị chưa quy định hình thức công khai, thời gian công khai, địa điểm công khai; chưa thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử; chưa thực hiện đúng thời gian niêm yết các biểu mẫu công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT; công khai về thiết bị dạy học còn thiếu so với hiện có tại trường.

1.2. Công tác kiểm tra nội bộ và việc thực hiện các quy định về tổ chức và Hoạt động theo Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

1.2.1. Công tác kiểm tra nội bộ

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 89/QĐ-MNHL ngày 06/9/2021 thành lập Ban kiểm tra nội bộ và phân công nhiệm vụ các thành viên năm học 2021 - 2022; Quyết định số 70a/QĐ-MNHL ngày 22/8/2022 thành lập Ban kiểm tra nội bộ và phân công nhiệm vụ các thành viên năm học 2022 - 2023; Kế hoạch số 106a/KH-MNHL ngày 05/10/2021 về kiểm tra nội bộ năm học 2021- 2022 (kèm theo danh mục các cuộc kiểm tra); Kế hoạch 70/KH-MNHL ngày 22/8/2022 về kiểm tra nội bộ năm học 2022- 2023 (kèm theo danh mục các cuộc kiểm tra); Báo cáo sơ kết và tổng kết công tác kiểm tra nội bộ.

Nhà trường tổ chức kiểm tra nội bộ theo đúng kế hoạch, hồ sơ kiểm tra đầy đủ theo quy định. Trong năm học 2021- 2022 đã tiến hành 06 cuộc kiểm tra, học kỳ I năm học 2022 - 2023 đã tiến hành 03 cuộc kiểm tra (tháng 10, 12/2022 và tháng 01/2023).

1.2.2. Việc thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động theo điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

a) Hội đồng trường: Số lượng, thành phần đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non[2]; được cấp thẩm quyền phê duyệt. Hội đồng trường có phân công nhiệm vụ, triển khai hoạt động, tổ chức họp theo quy định tại Điều lệ[3].

Tuy nhiên, còn thiếu quyết định công nhận thư kí Hội đồng trường, biên bản họp và nghị quyết (ngày 20/01/2022) chưa thể hiện cụ thể việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng trường theo phân công, thiếu hồ sơ minh chứng triển khai nội dung hoạt động.

b) Hội đồng thi đua khen thưởng thành lập theo Quyết định số 90/QĐ-MNHL ngày 08/9/2022, gồm 07 thành viên, số lượng và thành phần đảm bảo theo

---

[2] Có 09 người: 01 Chủ tịch HĐT (Hiệu trưởng); 01 Phó CT UBND xã Hạ Long; 01 Cha mẹ học sinh; 01 thư kí HĐ, 01 Phó HT, CTCĐ ; 02 tổ trưởng chuyên môn; 01 tổ trưởng văn phòng; 01 Bí thư Đoàn TNCSHCM.

[3] Tờ trình số 84/TTr-MNHL ngày 06/9/2021; Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện Vân Đồn về việc công nhận Hội đồng trường Mầm non Hạ Long, nhiệm kì 2020 - 2025.

Điều lệ; hồ sơ thi đua khen thưởng lưu trữ đầy đủ. Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm thực hiện, có kết quả[4], kịp thời ghi nhận, khuyến khích, động viên cán bộ, giáo viên của đơn vị.

c) Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên:

- Chi bộ đảng trực thuộc Đảng bộ xã Hạ Long, được thành lập theo Quyết định số 61/QĐ-ĐU ngày 10/8/2013 của Đảng ủy xã Hạ Long; Chi bộ có 25 đảng viên. Chi bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động các đoàn thể, chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, được cong nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ 02 năm liên tục;

- Công đoàn có 56 đoàn viên trong tổng số 59 cán bộ, giáo viên, người lao động (03 bảo vệ không tham gia), trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Vân Đồn; Ban chấp hành công đoàn gồm 05 người. Công đoàn có Quy chế phối hợp với nhà trường thực hiện việc giám sát các hoạt động, bảo vệ các quyền lợi, lợi ích chính đáng cho người lao động; tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống, thăm hỏi đến viên chức, người lao động và thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định; 02 năm liền đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh;

Tuy nhiên, việc kiện toàn Ban Chấp hành công đoàn còn chậm; công đoàn có 56 đoàn viên nữ nhưng chưa tổ chức được nhiều các hoạt động về công tác nữ công.

- Đoàn thanh niên gồm 16 đoàn viên, Ban chấp hành gồm Bí thư, 01 Phó Bí thư và 03 ủy viên, được công nhận tại Quyết định số 01-QĐ/ĐTN ngày 25/01/2022 của Ban Chấp hành Đoàn xã Hạ Long. Tổ chức chi đoàn hoạt động hiệu quả, nhất là trong các phong trào thi đua, văn hóa, văn nghệ của nhà trường, tích cực tham gia các phong trào do địa phương phát động (văn hóa thể thao, phòng chống dịch, vệ sinh môi trường …), tích cực trong hoạt động xây dựng nhà trường xanh sạch đẹp, hiến máu tình nguyện; 02 năm liên tục đạt danh hiệu Chi đoàn vững mạnh xuất sắc.

d) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng

- Trường có 02 tổ chuyên môn: Tổ chuyên môn khối lớn, nhà trẻ, nuôi (29 tổ viên) và Tổ chuyên môn khối nhỡ bé (22 tổ viên); mỗi tổ có Tổ trưởng và 01 Tổ phó, có 01 Phó hiệu trưởng tham gia sinh hoạt;

- Tổ Văn phòng có 03 tổ viên (nhân viên y tế, kế toán, bảo vệ), Hiệu trưởng nhà trường tham gia sinh hoạt tại tổ.

Các tổ chuyên môn có số lượng tổ viên lớn, nhiều độ tuổi nên còn khó khăn trong xây dựng kế hoạch chung của tổ, tổ chức sinh hoạt định kì, bồi dưỡng

---

[4] Năm học 2021 - 2022: Khen thưởng 12/42 giáo viên có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ (20/11/2021), đề nghị cấp trên công nhận 06/45 CSTĐ cơ sở; 02 cá nhân được UBND tỉnh tặng Bằng khen; 04 cá nhân được UBND huyện Vân Đồn tặng giấy khen; 02 cá nhân được Sở GDĐT tặng giấy khen; 40/45 lao động tiên tiến.

Năm học 2022 - 2023, khen thưởng 15/42 giáo viên có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ (20/11/2022), đề nghị 02 cá nhân được Sở GDĐT khen thưởng nhân dịp 40 năm ngày nhà giáo Việt Nam dịp 20/11.

chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức chuyên đề.

đ) Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: Nhà trường có 04 nhóm trẻ[5] với 64 trẻ độ tuổi 24 - 36 tháng, 15 lớp mẫu giáo[6] với 440 trẻ 3 - 5 tuổi.

2. Việc thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục; việc quản lý, sử dụng tài liệu giáo dục, thiết bị dạy học và đồ chơi trẻ em; việc củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, việc chuẩn bị các điều kiện tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi; công tác huy động trẻ ra lớp và thực hiện quy chế tuyển sinh; thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em và các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

2.1. Việc thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục

- Nhà trường căn cứ các văn bản hướng dẫn của Sở, phòng GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ năm học[7] xây dựng các Kế hoạch: số 105/KH-MNHL ngày 02/10/2021 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021- 2022, số 97/KH-MNHL ngày 22/9/2022 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Các kế hoạch đã bám sát nhiệm vụ được giao của đơn vị, đề xuất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN;

- Nhà trường đã ban hành Quy chế chuyên môn số 105a/QĐ-MNHL ngày 05/10/2022; cán bộ quản lý thực hiện đầy đủ việc đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường; tổ chuyên môn sinh hoat 02 lần/tháng, ghi chép đầy đủ nội dung sinh hoat trong sổ nghị quyết;

- Đã ban hành kế hoạch nhà trường, kế hoạch giáo dục các độ tuổi, kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học; các kế hoạch thể hiện được việc thực hiện chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác;

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 106/KH-MNHL ngày 05/10/2021 triển khai từ năm 2021 việc thực hiện chuyên đề *"Xây dựng trường mầm non lấy trẻ*

---

[5] Nhóm 1 (16 trẻ) và Nhóm 2 (17 trẻ) ở điểm trường chính, Nhóm 3 (16 trẻ) ở điểm trường Thôn 3, Nhóm 4 (15 trẻ) ở điểm trường Thôn 12).

[6] Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 05 lớp (Điểm chính có 03 lớp: 72 trẻ, điểm thôn 3 có 01 lớp: 23 trẻ, điểm thôn 12 có 01 lớp: 19 trẻ); Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi : 05 lớp (Điểm chính có 03 lớp: 93 trẻ, điểm thôn 3 có 01 lớp: 32 trẻ, điểm thôn 12 có 01 lớp: 23 trẻ); Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi : 05 lớp (Điểm chính có 03 lớp: 107 trẻ, điểm thôn 3 có 01 lớp: 33 trẻ, điểm thôn 12 có 01 lớp: 38 trẻ).

[7] Công văn số 2668/SGDĐT-GDTXMN ngày 22/09/2021 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2021 - 2022; Công văn số 632/PGDĐT-MN ngày 28/09/2021 của phòng GDĐT huyện Vân Đồn về thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2021 - 2022"; Công văn số 2574/SGDĐT-GDTXMN ngày 14/09/2022 của Sở GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2022 - 2023; Công văn số 510/PGDĐT-MN ngày 16/09/2022 của phòng GDĐT huyện Vân Đồn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2022-2023".

làm trung tâm giai đoạn 2021-2025", chỉ đạo xây dựng mô hình điểm 03 nhóm lớp 4 - 5 tuổi B2; 5 - 6 tuổi A2; 5 - 6 tuổi A5; xây dựng kế hoạch tổ chức cho trẻ tham quan trải nghiệm tại Vườn Cam và một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở địa phương; phối hợp với trường Tiểu học Hạ Long I cho học sinh 5 tuổi làm quen với trường tiểu học, chuẩn bị tâm thế cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1; tổ chức chuyên đề phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cấp trường; lựa chọn và lồng ghép tích hợp thực hiện hiệu quả các nội dung giáo dục và giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; tổ chức Hội giảng nhân các ngày 22/12, 19/5, 20/11;

- Giáo viên thực hiện các hoạt động ở lớp theo kế hoạch chuyên môn của nhà trường, tổ chuyên môn và của cá nhân đảm bảo đúng quy chế chuyên môn; các hoạt động giáo dục của giáo viên đảm bảo cung cấp đủ các tiêu chí mục đích, yêu cầu của hoạt động đưa ra, trẻ tham gia tốt vào các hoạt động;

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2022- 2023, có 40/42 giáo viên tham gia; hồ sơ tổ chức hoạt động đầy đủ (Kế hoạch tổ chức Hội thi, Quyết định thành lập ban tổ chức, giám khảo, thư ký; Thông báo kết quả; Kết quả công nhận…);

- Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình *"Tôi yêu Việt Nam"* về giáo dục ATGT, đã tổ chức Hội thi tại trường theo kế hoạch[8]

2.2. Quản lý, sử dụng tài liệu giáo dục, thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em

- Trường có 45 bộ đồ chơi ngoài trời (23 bộ ở Điểm trường chính, mỗi điểm trường lẻ có 11 bộ); được Sở GDĐT trang cấp 06 bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi vận động thông minh cho lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi, 05 bộ cho lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi[9], 03 bộ vận động ngoài trời tại 03 điểm trường, 04 bàn cảm ứng tương tác tại Phòng đa năng của Điểm trường chính.

- Nhà trường đã phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Sở, Phòng GDĐT ban hành các văn bản[10] về quản lý, sử

---

[8] Tổ chức ngày 23/12/2022 theo Kế hoạch số 115/KH-MNHL ngày 20/10/2022.

[9] (1) Bộ thiết bị - Đồ dùng - Đồ chơi vận động thông minh cho các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Gói thầu số 2): Năm học 2016 - 2017 nhà trường được trang cấp 06 bộ đồ dùng, đồ chơi vận động, thông minh (13 danh mục) cho 06 lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

(2) Thiết bị đổi mới phương pháp dạy học (theo Gói thầu số 1): Năm học 2018 -2019 nhà trường được trang cấp 05 bộ thiết bị - đồ chơi thông minh (18 danh mục/bộ) cho 05 lớp mẫu giao 4-5 tuổi; 01 Bộ đồ chơi ngoài trời (gồm 11 danh mục) và 01 bộ thiết bị dùng chung.

[10] Năm học 2021 - 2022: (1) Kế hoạch số 94a/KH-MNHL ngày 10/9/2021 về sử dụng CSVC, đồ dùng thiết bị; (2) Quy chế số 107a/QC-MNHL ngày 22/10/2021 về sử dụng CSVC, đồ dùng, thiết bị - Kế hoạch 62a/KH-MNHL về sửa chữa, mua sắm CSVC năm học 2021 - 2022; (3) Kế hoạch số 94b/KH-MNHL ngày 19/9/2022 về bảo quản, sử dụng, đồ dùng đồ chơi, thiết bị thông minh Mẫu giáo 4-5 tuổi; (4) Kế hoạch số 94c/KH-MNHLngày 13/9/2021 về bảo quản, sử dụng, đồ dùng đồ chơi, thiết bị thông minh Mẫu giáo 5-6 tuổi; (5) Quyết định số 01b/QĐ-MNHL " Về việc thành lập tổ kiểm tra, kiểm kê CSVC cuối học kỳ I". Năm học 2022 - 2023: (1) Kế hoạch số 94/KH-MNHL ngày 16/9/2022 về sử dụng CSVC, đồ dùng thiết bị; (2) Quy chế số 73/QC-MNHL ngày 25/8/2022 về sử dụng CSVC, đồ dùng, thiết bị; (3) Kế hoạch số 74/KH - MNHL về sửa chữa, mua sắm CSVC năm học 2022 - 2023; (4) Kế hoạch số 94b/KH-MNHL ngày 19/9/2022 về bảo quản, sử dụng, đồ dùng đồ chơi, thiết bị thông minh Mẫu giáo 4 - 5 tuổi; (5) Kế hoạch số 94c/KH-MNHLngày 19/9/2022 về bảo quản, sử dụng, đồ dùng đồ chơi, thiết bị thông minh Mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

dụng thiết bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trẻ em; có sổ tổng hợp theo dõi tài sản nhà trường, sổ theo dõi tài sản của nhóm lớp[11]; phân công 01 Phó hiệu trưởng quản lý cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng, đồ chơi[12]; thực hiện bàn giao thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trẻ em cho các nhóm, lớp vào đầu năm học[13] và tổ chức kiểm tra, kiểm kê 02 lần vào cuối học kỳ I và cuối năm học[14];

- Qua kiểm tra, toàn bộ 19/19 nhóm lớp đều sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo phù hợp với nội dung Chương trình giáo dục mầm non; ngoài ra các nhóm lớp đều có đồ dùng, đồ chơi tự tạo để phục vụ hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, hồ sơ của nhà trường chưa có đầy đủ hồ sơ về khảo sát, bàn giao, sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi vận động thông minh; nhà bóng tại Điểm trường Thôn 3 tiềm ẩn nguy cơ không đảm bảo an toàn cho trẻ do có một số quả bóng vỡ, 02 đàn organ đã bị hỏng; 01 bàn cảm ứng tương tác không vào điện nhiên chưa được sửa chữa.

2.3. Việc củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, việc chuẩn bị các điều kiện tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi; công tác huy động trẻ ra lớp và thực hiện quy chế tuyển sinh

2.3.1. Công tác củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi

Nhà trường đã tham mưu cho Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Hạ Long ban hành Kế hoạch triển khai phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021, năm 2022[15] và giai đoạn 2021 - 2025[16], chỉ đạo triển khai nhiệm vụ giáo

---

[11] Năm học 2021 - 2022: 01 Sổ tổng hợp theo dõi tài sản nhà trường, 01 Sổ theo dõi bộ đồ dùng, đồ chơi thông minh 4 - 5 tuổi; 01 Sổ theo dõi bộ đồ dùng, đồ chơi thông minh 5 - 6 tuổi; 19 Sổ theo dõi tài sản nhóm lớp. Năm học 2022 - 2023: 01 Sổ tổng hợp theo dõi tài sản nhà trường, 01 Sổ theo dõi bộ đồ dùng, đồ chơi thông minh 4 - 5 tuổi; 01 Sổ theo dõi bộ đồ dùng, đồ chơi thông minh 5 - 6 tuổi; 19 Sổ theo dõi tài sản nhóm lớp.

[12] Quyết định số 61/QĐ-TMNHL ngày 02/8/2022 của Trường MN Hạ Long về việc phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV năm học 2022 - 2023.

[13] Năm học 2021 - 2022: Có 19 Biên bản bàn giao tài sản nhóm lớp; 05 Biên bản bàn giao bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 4 - 5 tuổi; 06 Biên bản bàn giao bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 5 - 6 tuổi; Năm học 2022 - 2023: Có 19 Biên bản kiểm kê tài sản nhóm lớp; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 4 - 5 tuổi; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 5 - 6 tuổi.

[14] Năm học 2021 - 2022: Biên bản kiểm kê tài sản cuối học kỳ I: 19 Biên bản kiểm kê tài sản nhóm lớp; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 4 - 5 tuổi; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 5 - 6 tuổi; 04 Biên bản kiểm tài sản nhà bếp (4 điểm trường). Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm học: 19 Biên bản kiểm kê tài sản nhóm lớp; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 4 - 5 tuổi; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 5-6 tuổi; 04 Biên bản kiểm tài sản nhà bếp (4 điểm trường). Năm học 2022 - 2023: Biên bản kiểm kê tài sản cuối học kỳ: 19 Biên bản kiểm kê tài sản nhóm lớp; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 4 - 5 tuổi; 05 Biên bản kiểm kê bộ đồ dùng, đồ chơi thiết bị thông minh 5 - 6 tuổi; 03 Biên bản kiểm tài sản nhà bếp (3 điểm trường).

[15] Kế hoạch số 01/KH-PCGD ngày 18/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long về Kế hoạch Phổ cập giáo dục, xóa mù năm 2020; Kế hoạch số 01/KH-PCGD ngày 18/2/2022 của Ủy ban nhân dân xã Hạ Long về Kế hoạch Phổ cập giáo dục, xóa mù năm 2022.

[16] Kế hoạch số 02/KH-PCGD ngày 28/02/2021 của UBND xã Hạ Long về thực hiện nhiệm vụ Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn xã Hạ Long giai đoạn 2021 - 2025.

dục phổ cập cho trẻ em 5 tuổi.

Hồ sơ phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi của nhà trường đầy đủ (Danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê; Biên bản tự kiểm tra phổ cập giáo dục).

Năm 2021, năm 2022, xã Hạ Long đều duy trì và đạt kết quả phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi[17].

Tuy nhiên, nhà trường không thực hiện lưu trữ tại trường Phiếu điều tra và Sổ theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới năm tuổi[18] cơ bản chỉ đáp ứng số trẻ hiện tại đang học tại trường[19]; việc cập nhật, thống kê trẻ em độ tuổi mầm non trên hệ thống chưa chính xác[20].

2.3.2. Chuẩn bị các điều kiện tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới năm tuổi

Nhà trường đã tham mưu cho UBND xã Hạ Long đưa nội dung chuẩn bị các điều kiện tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo vào Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn xã Hạ Long giai đoạn 2021 - 2025[21].

2.4. Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ và các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

2.4.1. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng

- Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ năng lực của các cơ sở cung cấp thực phẩm, hàng hóa phục vụ tổ chức ăn trưa tại trường cho trẻ em trong năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023; có quyết định phê duyệt giá và chỉ định cơ sở

---

[17] Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn về việc công nhận kết quả đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vân Đồn năm 2022.

[18] Điều kiện về đội ngũ giáo viên dạy mẫu giáo 3 và 4 tuổi: hiện có 20 giáo viên (đạt tỷ lệ 2,0 giáo viên/lớp). 20/20 giáo viên đạt 100% giáo viên đạt trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên (trung cấp 02, cao đẳng 02, đại học 16). Hiện 02 giáo viên trung cấp đang theo học lớp đại học. Điều kiện về cơ sở vật chất: Tổng số lớp mẫu giáo 3 và 4 tuổi: 10/10 lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi và 4 - 5 tuổi đều đảm bảo 01 phòng học/lớp và thiết bị giáo dục, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định. Một số lớp thiếu một số danh mục thiết bị đồ đùng đồ chơi tối thiểu theo quy định.

[19] Hiện nhà trường mới đáp ứng 102/182 chiếm 56% tỷ lệ trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi và 132/194 chiếm 68 % tỷ lệ trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi ra trường lớp.

[20] (1) Năm 2021 trên địa bàn có 178 trẻ sinh năm 2017 phải huy động ra lớp, đến năm 2022 trên địa bàn có 184 trẻ sinh năm 2017 phải huy động ra lớp (tăng 06 trẻ so với năm 2021), trong khi không có trẻ chuyển đến, chuyển đi; (2) Năm 2021 trên địa bàn có 189 trẻ sinh năm 2018 phải huy động ra lớp, đến năm 2022 trên địa bàn có 194 trẻ sinh năm 2018 phải huy động ra lớp (tăng 05 trẻ so với năm 2021), trong đó có 05 trẻ chuyển đi, không có trẻ chuyển đến; (3) Năm 2021, trên địa bàn có 185 trẻ sinh năm 2019 phải huy động ra lớp, đến năm 2022 trên địa bàn có 182 trẻ sinh năm 2019 phải huy động ra lớp (giảm 03 trẻ so với năm 2021), trong đó có 06 trẻ chuyển đi, không có trẻ chuyển đến.

[21] Kế hoạch số 02/KH-PCGD ngày 28/02/2021 của UBND xã Hạ Long về thực hiện nhiệm vụ Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn xã Hạ Long giai đoạn 2021 - 2025.

cung cấp thực phẩm, hàng hóa. Hồ sơ của đơn vị cung cấp thực phẩm, hàng hóa có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, giấy xác nhận kiến thức về ATTP, giấy chứng nhận kinh doanh hộ cá thể, giấy khám sức khỏe của nhân viên trong cơ sở cung ứng thực phẩm, cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm, hàng hóa ... Nhà trường có sổ kiểm thực 3 bước, sổ tính khẩu phần ăn và sổ giao nhận thực phẩm hằng ngày;

- 100% trẻ được ăn trưa tại trường, mức tiền ăn 24.000 đồng/ngày/trẻ, tiền chất đốt và phụ phí 4.000 đồng/tháng/trẻ; trẻ nhà trẻ được ăn 02 bữa chính và 01 bữa phụ trong ngày; trẻ mẫu giáo ăn 01 bữa chính trưa và 01 bữa phụ;

- Nhà trường hợp đồng nhân viên nấu ăn (năm học 2021 - 2022: 10 người, năm học 2022 - 2023: 09 người); nhân viên nấu ăn chấp hành đầy đủ các quy định về vệ sinh an toàn lao động; mức tiền công là 5.800.000 đồng/người/tháng (nấu ăn chính) và 5.200.000 đồng/người/tháng (nấu ăn phụ);

- Các điểm trường đều có bếp ăn, có khu sơ chế, chế biến, nấu ăn, chia thức ăn hoạt động một chiều, có lưu mẫu thức ăn và dán tem lưu mẫu đủ thông tin theo quy định; nhà trường thực hiện kiểm nghiệm nước theo định kỳ, nguồn nước sử dụng đảm bảo; trường sử dụng phần mềm tính khẩu phần ăn cho trẻ.

Tuy nhiên, Sổ kiểm thực ba bước và Sổ giao nhận thực phẩm hằng ngày của một số ngày trong tháng chưa khớp về số lượng thực phẩm; chưa sử dụng bếp nấu ăn tại 02 điểm trường lẻ.

2.4.2. Công tác chăm sóc sức khoẻ trẻ

- Nhà trường có Ban chăm sóc sức khỏe, xây dựng kế hoạch hoạt động y tế trường học, phối hợp với Trạm y tế xã Hạ Long thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ (02 lần/năm học vào tháng 9/2021 và tháng 02/2022);

- Trường có sổ tổng hợp cân, đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe cho trẻ[22]; sổ theo dõi suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; sổ theo dõi nhập, xuất thuốc; sổ báo dịch bệnh; sổ theo dõi sơ cấp cứu học sinh hằng ngày; sổ theo dõi sức khỏe của trẻ; danh mục dụng cụ và các thuốc thiết yếu;

- Định kỳ nhà trường tổ chức kiểm tra công tác VSATTP tại bếp ăn, nhóm lớp; nội dung và kết quả kiểm tra được ghi biên bản;

- Nhà trường có tổ chức tuyên truyền cách phòng chống bệnh cúm A, dịch bệnh đậu mùa khỉ, bệnh xuất huyết, chân tay miệng, sởi, các biện pháp chăm sóc răng miệng ...

---

[22] Năm học 2021 - 2022: Trẻ cân nặng bình thường: 404/477 cháu đạt 84,7%; trẻ có chiều cao bình thường: 452/477 đạt 94,7%; suy dinh dưỡng nhẹ cân: 10/477 cháu, chiếm 2,1 %; béo phì, thừa cân: 61/477 chiếm 12,8%; suy dinh dưỡng thể thấp còi độ 1: 25/477 chiếm 5,2%.

Năm học 2022 - 2023: trẻ cân nặng bình thường: 423/504 cháu, đạt 83,9%; trẻ có chiều cao bình thường: 493/504 đạt 97,8%; suy dinh dưỡng nhẹ cân: 18/504 cháu, chiếm 3,6%; thừa cân: 57/504 cháu chiếm 11,3%; Thể gầy còm: 5/504 cháu = 1%; suy dinh dưỡng thể thấp còi độ 1: 27/504 chiếm 5,4%;

2.4.3. An toàn trường học

Nhà trường thực hiện đầy đủ công tác VSATTP, an toàn an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, phòng cháy chữa cháy, phòng chống dịch Covid-19. Trường được công nhận Trường học đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích[23].

3. Việc thực hiện các quy định về nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện chế độ, chính sách đối với người học; công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia; công tác truyền thông về giáo dục mầm non; quản lý tài sản, tài chính; thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí, các khoản thu thỏa thuận, tự nguyện, nguồn lực tài chính khác

3.1. Việc thực hiện các quy định về nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với giáo dục mầm non

- Nhà trường đã ban hành các quyết định, quy chế, kế hoạch để phân công, quản lý, bồi dưỡng đội ngũ[24];

- Thực hiện chi trả lương và các khoản phụ cấp theo lương, thu nhập tăng thêm[25], chế độ cho giáo viên dạy khuyết tật[26], tiền công cho nhân viên bảo vệ[27] đảm bảo theo quy định; chi quỹ phúc lợi tập thể[28] theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ;

- Thực hiện chế độ giảm giờ làm cho một số chức danh[29], chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết theo quy định;

---

[23] Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND huyện Vân Đồn.

[24] Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ; Quyết định phân công nhiệm vụ cho CB,GV,NV năm học 2021-2022; Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; Kế hoạch quản lý và sử dụng CBGVNV năm học 2022 - 2023; các quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó, ban hành quy định về lề lối làm việc.

[25] Năm 2022, nhà trường xét và tính thu nhập tăng thêm 10 tháng/ năm (trừ 02 tháng nghỉ hè); giáo viên được hưởng số tháng theo thực tế công tác; xếp loại A,B,C theo từng tháng. Chi thu nhập tăng thêm năm 2022: 304.700.000đ; Mức chi xếp loại A: 700.000đ/ tháng; Mức xếp loại B: 500.000đ/ tháng.

[26] Năm học 2021 - 2022: Học kỳ I: Tổng số giáo viên được hưởng chế độ khuyết tật là 04 người. Kinh phí thực hiện: 23.696.400đ; Học kỳ II: Tổng số giáo viên được hưởng chế độ khuyết tật là 06 người. Kinh phí: 27.547.000đ.

Năm học 2022 - 2023: Học kỳ I: Tổng số giáo viên được hưởng chế độ khuyết tật là 08 người. Kinh phí thực hiện: 44.345.600đ.

[27] Năm học 2021-2022: có 04 nhân viên bảo vệ (Bảo vệ tại điểm chính: 4.000.000đ/nhân viên/ tháng; Bảo vệ thôn 3, thôn 12: 2.000.000đ/nhân viên/tháng; Bảo vệ thôn 7: 1.000.000đ/ nhân viên/ tháng); Năm học 2022-2023: Có 03 nhân viên bảo vệ (Bảo vệ tại điểm chính: 4.000.000đ/nhân viên/ tháng (từ tháng 11/2022 tăng lên là 5.000.000đ); Bảo vệ thôn 3, thôn 12: 2.000.000đ/nhân viên/tháng).

[28] Chi tết dương lịch: 45.000.000đ; Chi tết âm lịch: 112.500.000đ; Chi mùng 8/3: 13.500.000đ; Chi 30/4 và mùng 1/5: 45.000.000đ; Chi mùng 2/9: 47.000.000đ; Chi 20/11: 47.000.000đ; Chi khám sức khỏe: 22.500.000đ.

[29] Tổ trưởng chuyên môn giảm 03 giờ/ tuần: 02 phó hiệu trưởng dạy thay cho 02 tổ trưởng tổ chuyên môn (2 phó hiệu trưởng dạy 6 giờ/ tuần). Trưởng ban thanh tra nhân dân: 02 phó hiệu trưởng dạy thay, mỗi phó hiệu trưởng dạy 01 giờ/ tuần (tổng số giờ dạy là 2 giờ/ tuần). Thư kí HĐ trường: Chủ tịch Hội đồng trường cử Phó hiệu trưởng làm thư kí Hội đồng trường (không được giảm giờ theo quy định tại Thông tư 48/2011/TT-BGDĐT); Bí thư Đoàn thanh niên: Hiệu trưởng dạy thay 02 giờ/ tuần; giáo viên nữ có con nhỏ từ 12 tháng tuổi trở xuống được giảm 05 giờ dạy/ tuần: Nhà trường phân công giáo viên phụ hỗ trợ đảm bảo giáo viên nuôi con nhỏ được giảm 05 giờ dạy/tuần. Chủ tịch công đoàn là Phó hiệu trưởng không được giảm giờ; Phó chủ tịch công đoàn là nhân viên y tế - Tổ trưởng tổ văn phòng không thực hiện giảm giờ; Ủy viên Ngô Thùy Mỵ - Phó hiệu trưởng, Ủy viên Vũ Hồng Thắm - giáo viên (chưa thực hiện giảm giờ làm).

- Tổ chức rà soát, bổ sung quy hoạch, đánh giá viên chức, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non[30].

Tuy nhiên, quy định về thời gian làm việc chưa phù hợp với chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ; chưa thực hiện giảm giờ làm đối với 01 giáo viên là Ủy viên Ban chấp hành công đoàn (giảm 03 giờ dạy/tuần); chi trả chế độ đối với lao động hợp đồng cấp dưỡng chưa đúng với quy định của Luật bảo hiểm xã hội[31].

3.2. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người học

Vào đầu học kỳ nhà trường thông báo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ em các chế độ chính sách đối với trẻ em (hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa ...), thành lập Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách cho trẻ, thẩm định hồ sơ và trình xét duyệt, cấp kinh phí thực hiện[32].

3.3. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia

Nhà trường ban hành Quyết định số 268/QĐ-MNHL ngày 22/9/2020 thành lập Hội đồng tự đánh giá, Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2021 - 2022, năm học 2022 - 2023; xây dựng Báo cáo tự đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2021 - 2022; hồ sơ có danh mục mã thông tin minh chứng, phiếu đánh giá các tiêu chí.

3.4. Công tác truyền thông về giáo dục mầm non

---

[30] Kế hoạch số 95ª/KH-MNHL, ngày 15/9/2021 về đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, giáo viên theo chuẩn năm học 2021 - 2022.

[31] Nhà trường chi trả tiền công cho hợp đồng chia làm 2 nội dung, tiền công 3.300.000 đồng/người/tháng để làm căn cứ đóng bảo hiểm, hỗ trợ thêm tiền đóng góp 1.600.000đồng/người/tháng và tiền ăn 600.000 đồng/người/tháng (không đóng bảo hiểm) là không đảm bảo quy định theo Luật Bảo hiểm xã hội. Các khoản chi thêm không có cơ sở để áp dụng (tiêu chuẩn ăn và hỗ trợ).

[32] Năm học 2021 - 2022

* Học kỳ I: Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 21(theo Quyết định số 5947/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 của UBND huyện Vân Đồn): 09 trẻ, kinh phí 4.500.000đ; Hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP (Quyết định 5771/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021 của UBND huyện Vân Đồn): 17 trẻ, kinh phí 10.880.000đ; Theo Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND (Quyết định 5771/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021 của UBND huyện Vân Đồn): 02 trẻ, kinh phí 1.192.000đ; Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 36/2021/NQ-HDND (theo Quyết định số 5947/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 của UBND huyện Vân Đồn): Tổng số trẻ đề nghị hỗ trợ là 533 trẻ với kinh phí: 106.600.000đ.

* Học kỳ II: Hỗ trợ chi phí học tập (Quyết định số 1801/QĐ-UBND, ngày 04/4/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 12 trẻ, kinh phí 7.200.000đ; Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP (theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND, ngày 04/4/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 01 trẻ, kinh phí 450.000đ; Hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP (Quyết định 1802/QĐ-UBND, ngày 04/4/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 19 trẻ, kinh phí: 10.080.000đ; Hỗ trợ theo Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND (Quyết định 1802/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 07 trẻ, kinh phí: 2.682.000đ; Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 36/2021/NQ-HDND (theo Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 519 trẻ, kinh phí: 129.750.000đ.

Năm học 2022 - 2023

* Học kỳ I: Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 21: 11 trẻ (theo Quyết định số 5906/QĐ-UBND, ngày 14/11/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 11 trẻ, kinh phí 6.600.000đ; Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP (Quyết định số 5906/QĐ-UBND, ngày 14/11/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 02 trẻ, kinh phí 1.200.000đ; Hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP (Quyết định 5879/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 13 trẻ, kinh phí 8.320.000đ; Theo Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND (Quyết định 5879/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 13 trẻ, kinh phí 7.748.000đ; Hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND (Quyết định số 5906/QĐ-UBND, ngày 14/11/2022 của UBND huyện Vân Đồn): 493 trẻ, kinh phí 197.200.000đ.

Nhà trường thực hiện truyền thông về GDMN, kiến thức chăm sóc sức khỏe, chăm sóc nuôi dưỡng trẻ cho cha mẹ trẻ[33] bằng nhiều hình thức phong phú, linh hoạt, phù hợp: Zalo, Facebook, bảng tuyên truyền, các buổi họp, trong lúc đón trả trẻ, băng zôn, khẩu hiệu, pano, áp phích; trường chưa có Website riêng.

3.5. Công tác quản lý tài sản, tài chính (đầu tư, quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi)

Trường có Sổ theo dõi tài sản, thực hiện việc bàn giao, theo dõi sử dụng tài sản tại các lớp; thực hiện quản lý tài chính, thanh quyết toán theo quy định; thực hiện công khai tài chính đảm bảo về nội dung, hình thức và thời gian.

Tuy nhiên, việc phân loại tài sản vào các mục chưa phù hợp (Cầu trượt đơn vào tài sản thiết bị điện văn phòng; giá treo vào mục thiết bị mạng truyền thông); chưa phân công cụ thể Người theo dõi, quản lý thiết bị dùng chung ngoài trời.

3.6. Công tác xã hội hóa giáo dục; thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí, thu thỏa thuận, tự nguyện, nguồn lực tài chính khác

Nhà trường thực hiện các khoản thu dịch vụ theo quy định tại Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 31/10/2022 của Sở GDĐT; tổ chức thu các khoản theo mức thu được UBND huyện Vân Đồn phê duyệt tại Quyết định 5906/QĐ-UBND ngày 18/11/2021[34]. Tuy nhiên, việc quản lý sử dụng quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh trong kế hoạch chưa rõ, chưa cụ thể theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT.

C. KẾT LUẬN VỀ CÁC NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

I. Ưu điểm

1. Hoạt động giáo dục của nhà trường luôn được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và của ngành GDĐT. Cơ cấu bộ máy trong nhà trường được thành lập đầy đủ, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao. Các tổ

---

[33] Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022; tổ chức ngày pháp luật nước CHXHCNVN; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục ATGT trường học năm 2021; triển khai thực hiện Chương trình "Tôi yêu Việt Nam" năm học 2021 - 2022; phát động phong trào thi đua đảm bảo trật tự. ATGT năm 2022; các bài dự thi "Tìm hiểu pháp luật phòng, chống thâm nhũng"...

[34] Năm học 2021 - 2022: Thuê người nấu ăn: 110.000 đồng/HS/tháng, Quản lý học sinh theo giờ bán trú: 60.000 đồng/HS/tháng,Tiền ăn: 24.000 đồng/HS/ngày, mua sắm vật dụng phục vụ bán trú 50.000 đồng/HS/năm học: Hồ sơ mua sắm đầy đủ, đảm bảo đúng quy định; Học phí 2021: Kỳ II năm học 2020 - 2021: 69.400.000 đồng (thu 3 tháng, còn lại nghỉ Dịch Covid-19; Kỳ I năm học 2021 - 2022 thực hiện theo Nghị quyết số 65; Nghị quyết số 36, tổng số được hỗ trợ: 106.600.000 đồng. Tổng thu năm 2021: 176.000.000 đồng, trong đó 40% cải cách tiền lương 70.400.000 đồng (Đảm bảo trích đúng tỷ lệ được giao). Năm học 2022 - 2023: Thuê người nấu ăn: 110.000 đồng/HS/tháng, quản lý học sinh theo giờ bán trú: 80.000 đồng/HS/tháng, tiền ăn 28.000 đồng/HS/ngày, mua sắm vật dụng phục vụ bán trú 50.000 đồng/HS/năm học, học phí: Kỳ II năm học 2021 - 2022 Thực hiện theo Nghị quyết số 65; Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND: 129.750.000 đồng; Kỳ I năm học 2022 - 2023 thực hiện theo Nghị quyết số 65; Nghị quyết số 01: 201.600.000 đồng. Tổng thu năm 2023: 331.350.000 đồng, trong đó quy định trích lập 40% cải cách tiền lương số tiền 132.540.000 đồng.

chức trong nhà trường thực hiện có hiệu quả các hoạt động theo Điều lệ trường mầm non.

2. Năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023, nhà trường đã cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cấp; chỉ đạo, xây dựng cơ bản đầy đủ các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lí trong nhà trường; xây dựng kịp thời các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo đúng Kế hoạch năm học.

3. Nhà trường thực hiện cơ bản đầy đủ các nội dung công khai theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017. Công tác kiểm tra nội bộ đã được quan tâm thực hiện theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

4. Đã xây dựng hệ thống văn bản về công tác quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trẻ em. Có đủ hồ sơ quản lý, theo dõi thiết bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo đúng quy định tại Điều lệ Trường mầm non.

5. Triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

6. Thực hiện nghiêm túc tuyên truyền, quán triệt các văn bản đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhân dân. Xây dựng đầy đủ các kế hoạch và thực hiện tốt công tác phòng, chống tai nạn thương tích, an ninh trật tự, an toàn giao thông...

7. Thực hiện đúng các quy định về nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Các chế độ phụ cấp ưu đãi thâm niên nghề, ưu đãi nghề, nâng bậc lương thường xuyên, các chế độ phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, bậc lương cơ bản, phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên được nhà trường quan tâm, thanh toán đủ, kịp thời. Quyết định nâng phụ cấp thâm niên nghề, nâng bậc lương thường xuyên đúng đối tượng, đúng định mức. Chế độ, chính sách đối với người học (hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí cho trẻ em thuộc đối tượng chính sách đang học tập tại trường) đảm bảo đúng qui định.

8. Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 12/2021. Sau đánh giá, công nhận, nhà trường triển khai thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để duy trì và nâng cao kết quả đạt chuẩn.

9. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về quản lý tài chính; triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ theo đúng hướng dẫn.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Chưa thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử, thời gian niêm yết

các biểu mẫu công khai chưa đủ theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, quyết định công khai còn thiếu hình thức, địa điểm công khai.

2. Hồ sơ hoạt động của Hội đồng trường chưa đầy đủ (thiếu quyết định công nhận Thư kí Hội đồng trường, chưa thể hiện được hoạt động của các thành viên theo phân công nhiệm vụ, hoạt động của Hội đồng). Việc kiện toàn Ban chấp hành Công đoàn còn chậm; hoạt động nữ công còn ít.

3. Hồ sơ quản lý thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu (kết quả khảo sát, bàn giao, sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi vận động thông minh); chưa kịp thời khắc phục, sửa chữa các thiết bị hỏng. Việc phân loại một số tài sản chưa phù hợp; chưa phân công người theo dõi, quản lý thiết bị dùng chung ngoài trời.

4. Hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ lưu trữ tại trường còn thiếu (Phiếu điều tra, Sổ theo dõi); chưa điều tra, khảo sát điều kiện thực hiện phổ cập đối với trẻ em dưới 5 tuổi chưa được đến trường.

5. Sổ kiểm thực ba bước và Sổ giao nhận thực phẩm hằng ngày chưa chính xác, chưa bố trí sử dụng hiệu quả hạng mục bếp nấu ăn tại các điểm trường lẻ. Chưa quy định cụ thể việc sử dụng kinh phí Ban đại diện cha mẹ học sinh

6. Chưa thực hiện giảm giờ làm đối với 01 giáo viên là Ủy viên Ban chấp hành công đoàn, chi trả chế độ đối với lao động hợp đồng cấp dưỡng chưa đúng với quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

D. TRÁCH NHIỆM

1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về những tồn tại, thiếu sót, khuyết điểm ở các nội dung nêu trên.

2. Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân vien chịu trách nhiệm về những tồn tại, thiếu sót, khuyết điểm, trong phạm vi trách nhiệm được Hiệu trưởng phân công.

E. KIẾN NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÍ

I. Đối với nhà trường

Khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế đã nêu ở trên, trong đó quan tâm thực hiện những nội dung sau:

- Rà soát số lượng trẻ ra lớp theo thực tế vào cuối kì; thực hiện giảm giờ làm đối với giáo viên kiêm nhiệm ủy viên Ban chấp hành công đoàn theo quy định tại Thông tư 08/2016/TT-BGDĐT;

- Nghiên cứu kỹ văn bản, xây dựng kế hoạch đảm bảo đúng chức năng nhiệm vụ của Ban đại diện cha mẹ học sinh, nhất là việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động từ năm học 2023 - 2024;

- Kiểm tra, rà soát hồ sơ quản lý tài sản, thiết bị dạy học, bổ sung các nội dung còn thiếu, điều chỉnh các nội dung chưa đúng; có phương án sửa chữa các

thiết bị đã hỏng hoặc tiến hành thanh lý nếu đủ điều kiện. Tăng cường công tác tự kiểm tra công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo quản trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi được trang cấp;

- Nghiên cứu sử dụng bếp nấu ăn cho trẻ tại hai điểm trường lẻ đảm bảo phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế, tránh lãng phí; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc bộ phận phụ trách công tác bán trú trong nhà trường;

- Rà soát hệ thống văn bản, điều chỉnh các quy định về chế độ làm việc, nghỉ lễ theo quy định của Luật lao động và Điều lệ Trường mầm non; rà soát, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ theo các văn bản hiện hành;

- Thiết lập trang Website riêng của nhà trường. Bổ sung thêm pano, tranh ảnh tuyên truyền về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, các bài tuyên truyền dịch bệnh từng thời điểm bố trí ở các vị trí (cổng trường, sân trường, bảng tuyên truyền của trường, của lớp, ...). Công khai kết quả cân, đo chăm sóc sức khỏe các đợt của trẻ ở bảng tuyên truyền các nhóm, lớp;

Giao Hiệu trưởng nhà trường công khai Kết luận thanh tra theo quy định; tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra; báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở GDĐT (qua Thanh tra) trước ngày **25/10/2023**.

II. Đối với phòng GDĐT

- Chỉ đạo các đơn vị rà soát chế độ chính sách đảm bảo đúng, đủ chế độ cho đối tượng thụ hưởng;

- Chỉ đạo đơn vị rà soát, kiểm kê tài sản, thiết bị dạy học, đặc biệt chú trọng công tác quản lý, sử dụng, phản ánh vào sổ sách và tính hao mòn theo quy định.

III. Đối với UBND huyện Vân Đồn

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ sở giáo dục nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, trang bị, tránh lãng phí.

IV. Đối với Sở GDĐT

Thanh tra Sở chịu trách nhiệm chung về theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:
- Trường MN Hạ Long, huyện Vân Đồn;
- Thanh tra Bộ GDĐT;
- Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Vân Đồn;
- GĐ, các PGĐ Sở GDĐT;
- TT Công đoàn ngành giáo dục;
- Phòng GDĐT Vân Đồn;
- Lưu: VT, TTr.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NINH

Đinh Ngọc Sơn